

YBM TOEIC LISTENING 1000

1

Ngô Thu Hằng dịch



1000 câu hỏi sát
với đề thi thực tế



Đáp án kèm
giải thích chi tiết



Phân tích đầy đủ
về xu hướng ra đề



Cập nhật đề thi
TOEIC định dạng mới



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

Được biên soạn bởi
YBM - Đơn vị độc quyền tổ chức thi và
cấp chứng chỉ TOEIC tại Hàn Quốc



Cấu trúc bài thi TOEIC và thông tin về kỳ thi

TOEIC là gì?

TOEIC (Test of English for International Communication) là kỳ thi đánh giá trình độ sử dụng tiếng Anh dành cho những người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong môi trường giao tiếp và làm việc quốc tế.

Cấu trúc bài thi TOEIC

Kỹ năng	Phần	Nội dung	Số câu hỏi	Thời gian	Tổng điểm	
Nghe (L/C)	1	Mô tả tranh	6	45 phút	495 điểm	
	2	Hỏi và trả lời	25			
	3	Hội thoại ngắn	39			
	4	Bài nói ngắn	30			
Đọc (R/C)	5	Hoàn thành câu	30	75 phút	495 điểm	
	6	Hoàn thành đoạn văn	16			
	7	Đọc hiểu	Một đoạn văn			29
			Hai đoạn văn			10
			Ba đoạn văn			15
Total	7 Parts		200 câu	120 phút	990 điểm	

Đăng ký thi TOEIC như thế nào?

Tại Việt Nam, thí sinh có thể đăng ký thi TOEIC tại các văn phòng của IIG, đơn vị được ETS (đơn vị ra đề thi TOEIC) ủy quyền cho tổ chức thi và cấp chứng chỉ tại Việt Nam. Trước khi đăng ký, thí sinh có thể tìm hiểu các thông tin chi tiết về lịch thi của từng tháng được cập nhật trên trang web của IIG.

Những vật dụng bắt buộc phải mang theo khi đi thi là gì?

- Chỉ được phép mang những giấy tờ tùy thân theo quy định (Chứng minh nhân dân, Bằng lái xe, Hộ chiếu còn hiệu lực, Thẻ công chức,...)
- Bút viết, bút chì và tẩy sẽ được phát khi vào phòng thi (Cấm sử dụng bút bi hoặc bút máy)

Kỳ thi được tiến hành như thế nào?

09:20	Vào phòng thi (Không thể vào phòng sau 9 giờ 50 phút)
09:30 - 09:45	Hướng dẫn ghi phiếu trả lời
09:45 - 09:50	Nghỉ ngơi
09:50 - 10:05	Xác minh giấy tờ tùy thân
10:05 - 10:10	Phát đề và kiểm tra lỗi trên đề
10:10 - 10:55	Thi nghe (Listening Test)
10:55 - 12:10	Thi đọc (Reading Test)

Làm thế nào để tra cứu kết quả thi TOEIC?

Kết quả bài thi của thí sinh sẽ được thông báo sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thi đối với VP Hà Nội, 07 ngày làm việc đối với VP Hồ Chí Minh và VP Đà Nẵng. Mỗi thí sinh sẽ nhận được tờ phiếu điểm trong phong bì có niêm phong. Khi tới văn phòng IIG Việt Nam nhận kết quả thi, thí sinh cần phải xuất trình Phiếu đăng ký dự thi (bản gốc) và Chứng minh thư/Hộ chiếu gốc. Trong trường hợp không đến nhận kết quả thi được, thí sinh có thể viết Giấy ủy quyền cho người khác đến nhận thay kết quả thi. Người đi lấy thay cần mang theo Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu gốc của mình, Giấy ủy quyền và Phiếu đăng ký dự thi của thí sinh.

Điểm tối đa của bài thi TOEIC là bao nhiêu?

Bài thi TOEIC gồm 100 câu phần đọc (RC) và 100 câu phần nghe (LC), mỗi phần tương ứng với 495 điểm, tức tổng điểm là 990. Vì mức độ khó của các câu khác nhau, nên trị giá điểm của mỗi câu cũng khác biệt. Kết quả của bài thi TOEIC được tính dựa trên bảng quy đổi điểm.

PHÂN TÍCH XU HƯỚNG RA ĐỀ TOEIC MỚI

PART 1 Mô tả tranh (Photographs)

Tổng 6 câu hỏi

Ảnh tập trung miêu tả người hoặc vật

33%

Ảnh xuất hiện một người

33%

Ảnh xuất hiện một người

Chủ ngữ là He/She, A man/woman, One of the men/women,... và thường xuất hiện ở phần đầu.



Ảnh vẽ vật/bối cảnh

17%

Ảnh xuất hiện hai người trở lên

17%

Ảnh xuất hiện hai người trở lên

Chủ ngữ là They, some men/women/people,... và thường xuất hiện ở phần giữa.

Ảnh vẽ vật/bối cảnh

Chủ ngữ đều là A car, some chairs,... và thường xuất hiện ở phần cuối.

Ảnh tập trung miêu tả người hoặc vật

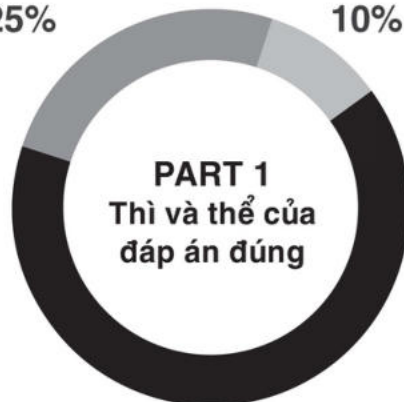
Chủ ngữ một phần là người, một phần là sự vật và thường xuất hiện ở phần cuối.

Thì hiện tại đơn, thể bị động

25%

Khác

10%



Thì hiện tại tiếp diễn, thể chủ động

65%

Thì hiện tại tiếp diễn, thể chủ động

Sử dụng cấu trúc "is/are + hiện tại phân từ" và dùng cho chủ ngữ là người.

Thì hiện tại đơn, thể bị động

Sử dụng cấu trúc "is/are + quá khứ phân từ" và dùng cho chủ ngữ là vật.

Khác

Ngoài ra, ta còn sử dụng cấu trúc hiện tại tiếp diễn ở thể bị động "is/are + being + hiện tại phân từ", cấu trúc hiện tại hoàn thành ở thể bị động "has/have + been + quá khứ phân từ", cấu trúc hiện tại đơn ở thể chủ động "ngoại động từ + tân ngữ", cấu trúc "There is/are",...

PART 2 Hỏi và trả lời (Question-Response)

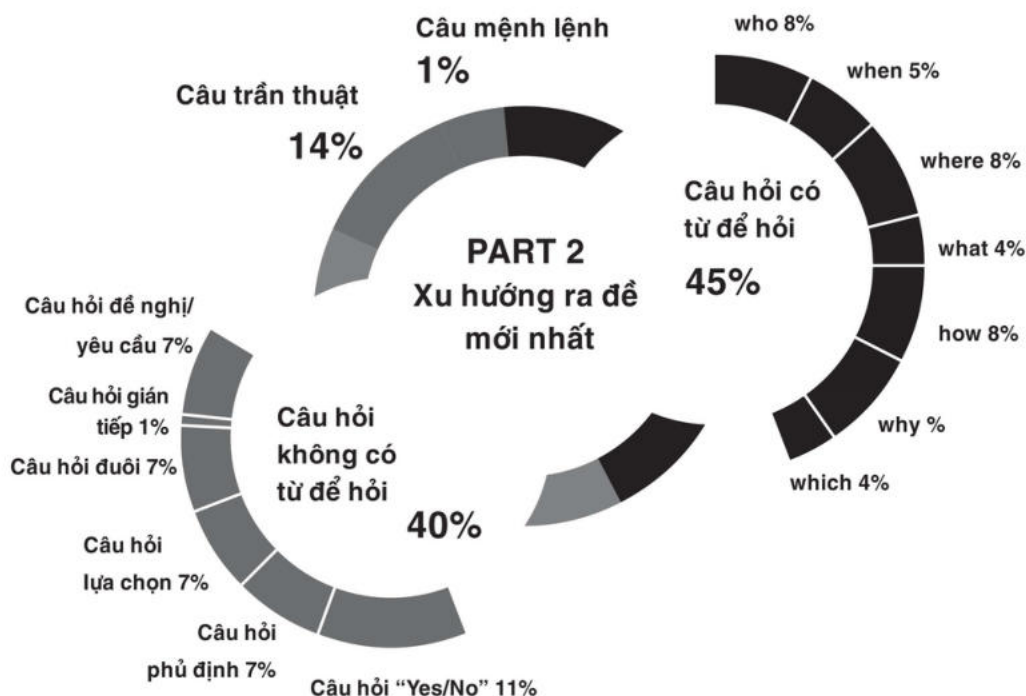
Tổng 25 câu hỏi

1. Câu hỏi có từ để hỏi

Câu hỏi bắt đầu bằng từ để hỏi đơn giản như **What, Which, Why**,... cũng có thể đi kèm với tính từ hoặc danh từ như **What time ~?, How long ~?, Which room ~?**,... Part 2 sẽ có 1-2 câu hỏi mỗi dạng.

2. Câu hỏi không có từ để hỏi

- + Câu hỏi "Yes/No": xuất hiện khoảng 1-4 lần.
- + Câu hỏi phủ định bắt đầu bằng **Don't you ~?, Isn't he ~?**,...: ít gặp hơn các câu hỏi dạng khẳng định thông thường.
- + Câu hỏi lựa chọn A hoặc B: A và B có thể là các từ, cụm từ hoặc vế câu. Trong trường hợp A và B là cụm từ hoặc vế câu thì câu hỏi sẽ dài và khó hơn.
- + Câu hỏi đuôi kết thúc bằng **~ don't you?, ~ isn't he?**,...: giống với dạng câu hỏi phủ định.
- + Câu hỏi gián tiếp có từ để hỏi không nằm ở đầu câu mà nằm ở giữa câu.
- + Câu hỏi đề nghị/yêu cầu: thay vì mục đích nhận thông tin, người hỏi có xu hướng đặt câu hỏi dạng này để yêu cầu đối phương giúp đỡ hoặc tìm kiếm sự đồng ý từ đối phương.



3. Câu trần thuật

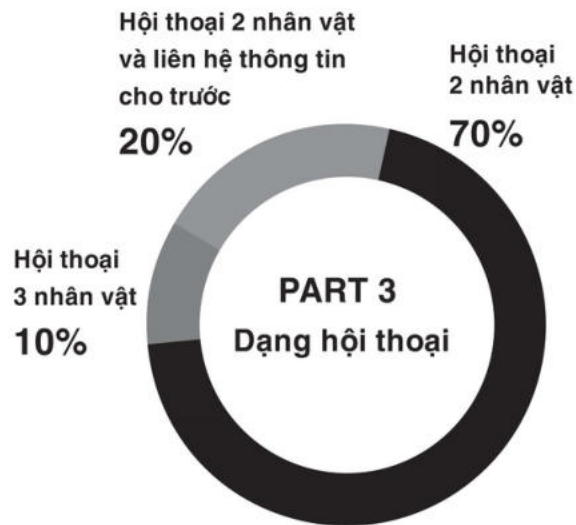
Khác với câu hỏi, câu trần thuật đưa ra sự thực khách quan hoặc ý kiến.

4. Câu mệnh lệnh

Câu mệnh lệnh thường bắt đầu bằng động từ nguyên thể hoặc **Please**.

PART 3 Hội thoại ngắn (Short Conversations)

Tổng 39 câu hỏi với 13 đoạn hội thoại (mỗi đoạn hội thoại tương ứng với 3 câu hỏi)



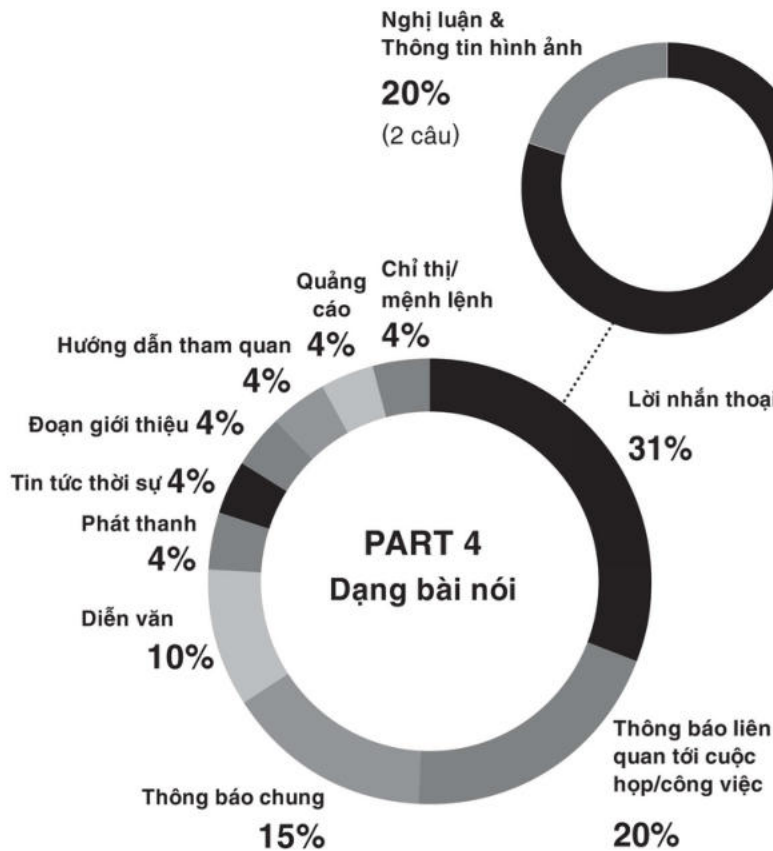
- Trong trường hợp **hội thoại 3 nhân vật**, bài nói có thể xuất hiện 2 nhân vật nam với 1 nhân vật nữ, hoặc 2 nhân vật nữ với 1 nhân vật nam. Theo đó, khác với câu hỏi của dạng **hội thoại 2 nhân vật** thường được xác định bằng từ “the man” hoặc “the woman”, dạng **hội thoại 3 nhân vật** sẽ đề cập tới tên của nhân vật.
- Dạng **hội thoại 2 nhân vật** liên hệ thông tin cho trước luôn nằm ở cuối Part 3.



- Những câu hỏi liên quan tới nội dung tổng quát của đoạn hội thoại như chủ đề, mục đích, lý do, địa điểm diễn ra hội thoại, nghề nghiệp/nơi làm việc của người nói,... thường xuất hiện đầu tiên. Câu hỏi về hành động/sự việc xảy ra tiếp theo thường là câu hỏi thứ ba.
- Câu hỏi xác định ý đồ của người nói thường xuất hiện trong đoạn hội thoại 2 nhân vật, nhưng đôi khi cũng có thể xuất hiện trong đoạn hội thoại 3 nhân vật.
- Ở Part 3, nếu có 2 câu hỏi yêu cầu xác định ý đồ của người nói thì sẽ có 3 câu hỏi liên hệ với thông tin cho trước và ngược lại, nếu có 3 câu hỏi yêu cầu xác định ý đồ của người nói thì sẽ có 2 câu hỏi liên hệ với thông tin đã cho. Tức là, Part 3 sẽ có 5 câu hỏi cho hai dạng này.
- Thông tin cho trước trong dạng câu hỏi liên hệ có thể rất đa dạng như chart, map, floor plan, schedule, table, weather forecast, directory, list, invoice, receipt, sign, packing clip,...

PART 4 Bài nói ngắn (Short Talks)

Tổng 30 câu hỏi với 10 bài nói
(mỗi bài nói tương ứng với 3 câu hỏi)



Nghị luận 80%
(8 câu)

- Part 4 luôn có lời nhắn thoại và thông báo liên quan tới cuộc họp/công việc. Trong nhiều trường hợp, tổng số câu của hai dạng này lên tới 50% số lượng câu hỏi trong đề.
- Dạng bài nói liên hệ thông tin cho trước luôn xuất hiện ở cuối Part 4.



- Dạng câu hỏi tương tự với Part 3.
- Đối với dạng câu hỏi yêu cầu xác định ý đồ của người nói, nếu Part 3 có 3 câu hỏi thì Part 4 sẽ xuất hiện 2 câu. Một đề sẽ có tất cả 5 câu hỏi dạng này.
- Đối với dạng câu hỏi liên hệ thông tin cho trước, nếu Part 3 có 2 câu hỏi thì Part 4 sẽ xuất hiện 3 câu. Một đề sẽ có tất cả 5 câu hỏi dạng này.
- Các thông tin cho trước trong dạng câu hỏi liên hệ rất đa dạng như chart, map, floor plan, schedule, table, weather forecast, graph, survey, order form, expense report, advertisement, coupon, brochure,...

PART 5 Hoàn thành câu (Incomplete Sentences)

Tổng 30 câu hỏi

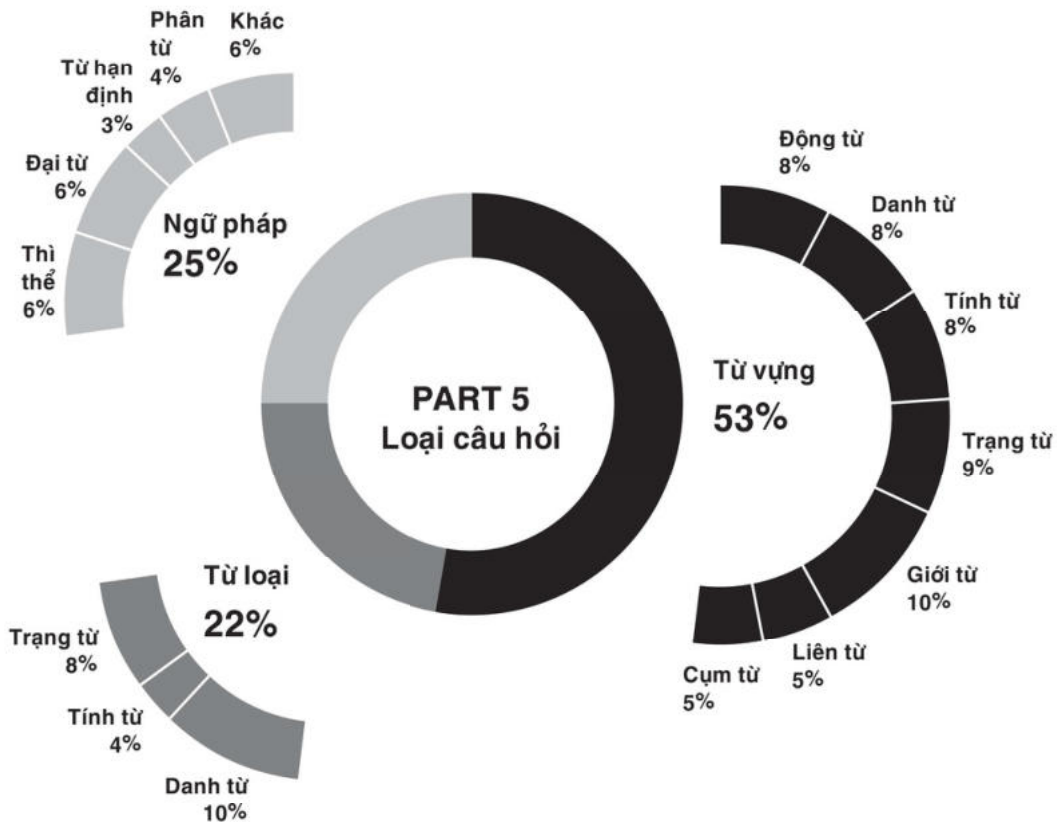
PART 5 - XU HƯỚNG RA ĐỀ MỚI NHẤT

Câu hỏi về từ vựng

Các câu hỏi liên quan tới từ vựng như động từ, danh từ, tính từ,... được chia đều khoảng 2-3 câu/loại. Các câu hỏi về giới từ thường có khoảng 3 câu; đôi khi không có câu hỏi liên quan tới liên từ và cụm từ nhưng cũng có lúc xuất hiện tới 3 câu về mảng này.

Câu hỏi về từ loại

Các câu hỏi về từ loại liên quan tới danh từ hay trạng từ thường có khoảng 2-3 câu; câu hỏi về từ loại liên quan đến tính từ thường ít gặp hơn.



Câu hỏi về ngữ pháp

Các câu hỏi về ngữ pháp liên quan tới thì thể và đại từ thường có 2 câu, liên quan tới từ hạn định hoặc phân tử thường có 1 câu. Trong trường hợp là câu hỏi về thì thể và đại từ, có khả năng câu hỏi sẽ liên quan tới câu chủ động/bị động hoặc việc chia động, danh từ theo số ít/nhiều. Ngoài ra, các câu hỏi ngữ pháp liên quan tới từ hạn định, tính từ so sánh bằng, so sánh hơn, so sánh nhất, động từ nguyên thể, danh động từ,... cũng sẽ xuất hiện.

PART 6 Điền vào đoạn văn (Text Completion)

Tổng 16 câu hỏi với 4 đoạn văn (mỗi đoạn tương ứng với 4 câu hỏi)

Mỗi đoạn văn đi kèm với 4 câu hỏi, trung bình sẽ có 2 câu hỏi về từ vựng, 1 câu hỏi về từ loại hoặc ngữ pháp, 1 câu hỏi chọn câu phù hợp với ngữ cảnh.

PART 6 - XU HƯỚNG RA ĐỀ MỚI NHẤT

Ngoại trừ câu hỏi chọn câu phù hợp với ngữ cảnh thì các câu hỏi còn lại về cơ bản tương tự như Part 5.

Câu hỏi về từ vựng

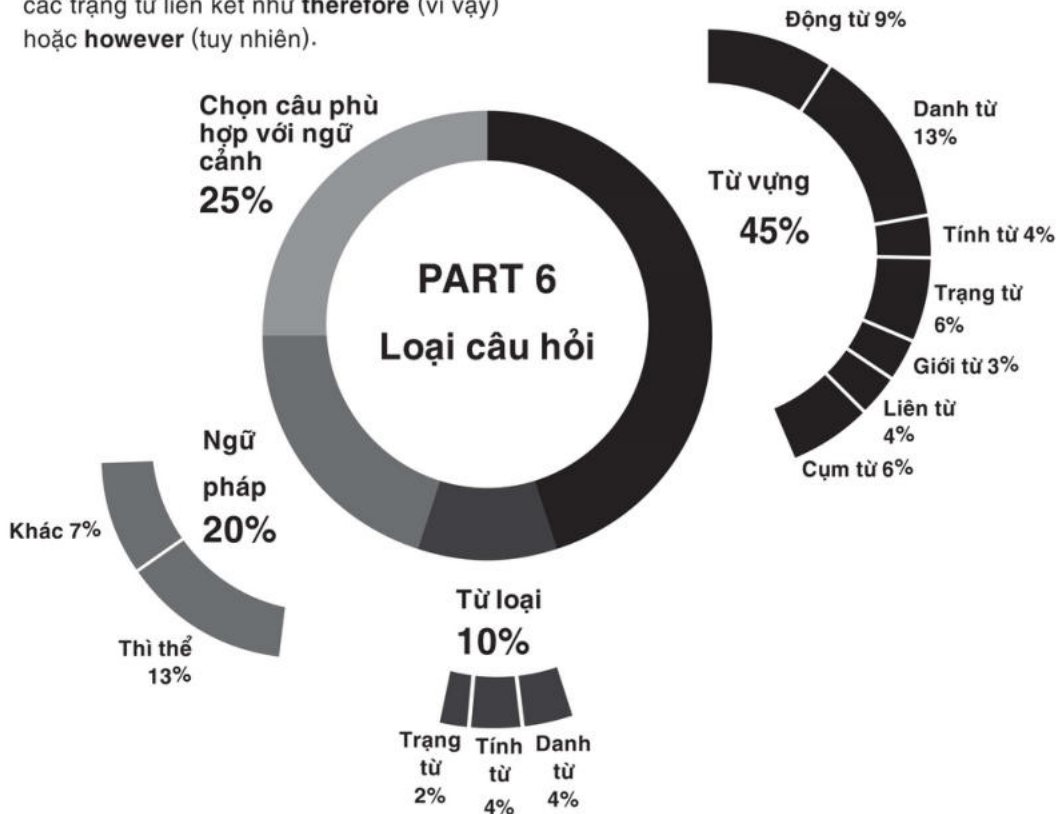
Các câu hỏi về từ vựng như động từ, danh từ, trạng từ, cụm từ luôn xuất hiện 1-2 lần trong mỗi đề. Trong khi đó, các câu hỏi về tính từ, giới từ, liên từ rất hiếm khi xuất hiện, nếu có cũng chỉ khoảng 1-2 câu. Câu hỏi từ vựng về trạng từ thường bao gồm các trạng từ liên kết như **therefore** (vì vậy) hoặc **however** (tuy nhiên).

Câu hỏi về từ loại

Các câu hỏi về từ loại liên quan tới danh từ, tính từ thường gặp hơn so với trạng từ.

Câu hỏi về ngữ pháp

Các câu hỏi về thì thể liên quan mật thiết tới mạch văn (thể chủ động/bị động hoặc chia động từ theo số nhiều/số ít) thường có 2 câu. Ngoài ra, cũng có các câu hỏi về ngữ pháp khác như đại từ, tính từ so sánh bằng/hơn/nhất, động từ nguyên thể, danh động từ,...



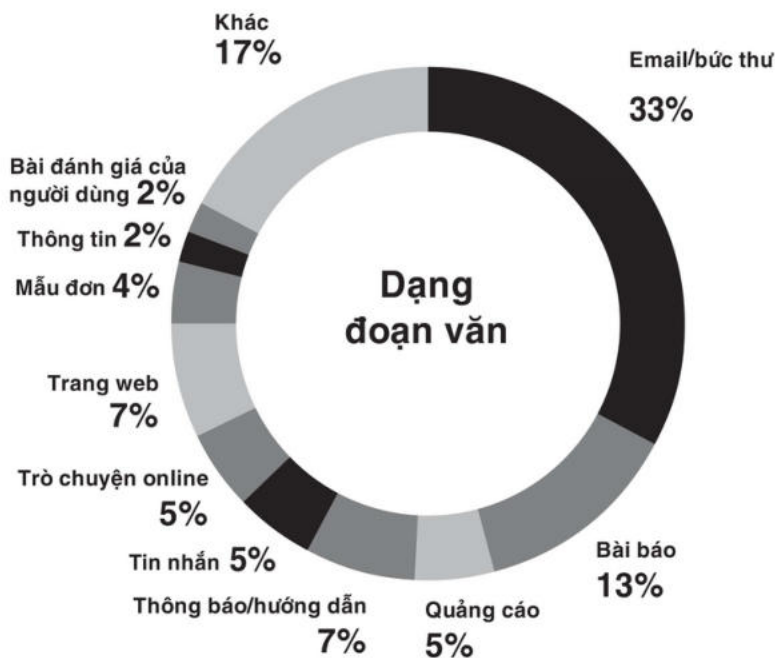
Câu hỏi lựa chọn câu phù hợp với ngữ cảnh

Mỗi đoạn văn sẽ đi kèm với 4 câu hỏi, trong đó có 1 câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp với ngữ cảnh. Xác suất xuất hiện câu hỏi dạng này thường là ở câu thứ hai, sau đó đến câu thứ ba, câu thứ tư và ít xuất hiện nhất ở câu đầu tiên.

PART 7 Đọc hiểu (Reading Comprehension)

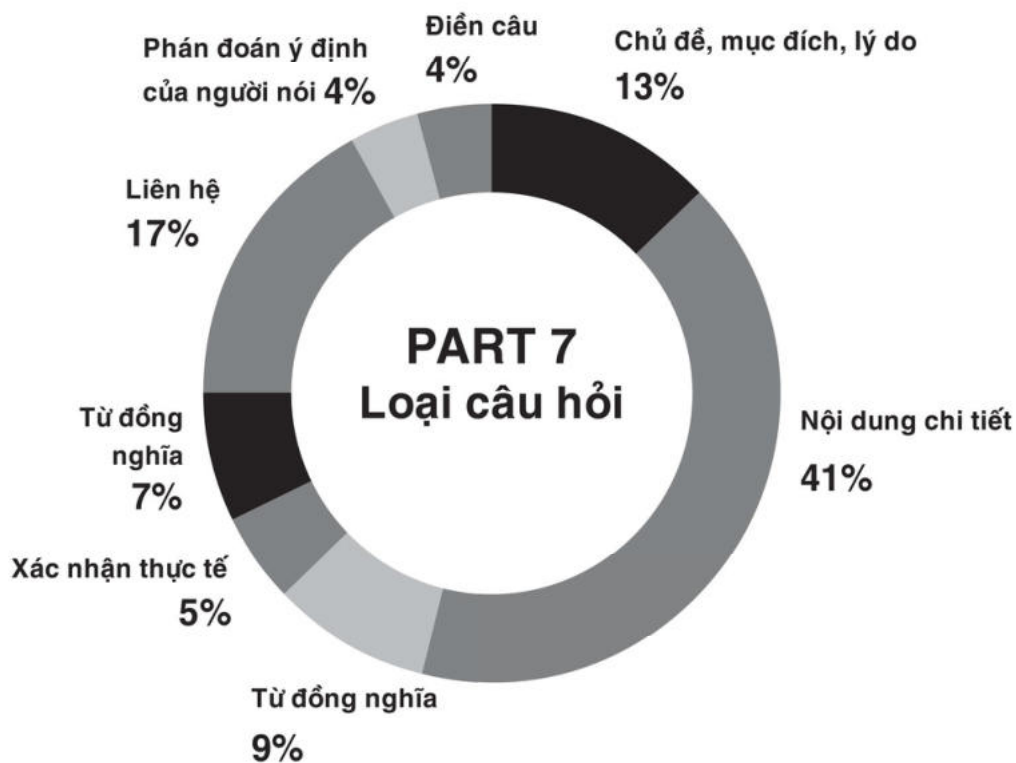
Tổng 54 câu hỏi với 15 đoạn văn (mỗi đoạn tương ứng với 2-5 câu hỏi)

Dạng bài	Số câu hỏi tương ứng với từng đoạn văn	Số đoạn văn	Tỷ lệ
Một đoạn văn	2 câu hỏi	4 đoạn	Khoảng 15%
	3 câu hỏi	3 đoạn	Khoảng 16%
	4 câu hỏi	3 đoạn	Khoảng 22%
Hai đoạn văn	5 câu hỏi	2 đoạn	Khoảng 19%
Ba đoạn văn	5 câu hỏi	3 đoạn	Khoảng 28%



(Tính riêng nội dung của các bài đọc có ba đoạn văn và bài đọc có hai đoạn văn - tổng cộng có 23 bài đọc)

- Bài đọc thường xuất hiện dưới dạng email/bức thư, bài báo, nhiều trường hợp tổng số câu hỏi thuộc hai dạng này chiếm tới 50-60% tổng số câu hỏi trong đề thi.
- Các bài đọc có chủ đề rất đa dạng như agenda, attachment, brochure, business plan, comment card, coupon, flyer, instructions, invitation, invoice, job-fair posting, list, log sheet, menu, newspaper editorial, note, page from a catalog, policy statement, program, receipt, report, schedule, sign, survey, voucher,...



- Câu hỏi về từ đồng nghĩa thường xuất hiện ở dạng bài đọc có hai đoạn văn hoặc bài đọc có ba đoạn văn.
- Câu hỏi liên hệ thường là 1-2 câu đối với dạng bài hai đoạn văn và 2-3 câu đối với dạng bài ba đoạn văn.
- Câu hỏi phán đoán ý định của người nói thường có 1 câu, xuất hiện trong chuỗi tin nhắn (text-message chain) hoặc đoạn nói chuyện trực tuyến (online chat discussion).
- Câu hỏi diễn câu thích hợp vào chỗ trống thường xuất hiện 1 lần trong bài báo, email/ bức thư.

MỤC LỤC

TEST 01	20
TEST 02	34
TEST 03	48
TEST 04	62
TEST 05	76
TEST 06	90
TEST 07	104
TEST 08	118
TEST 09	132
TEST 10	146



TEST 1



LISTENING TEST

In the Listening test, you will be asked to demonstrate how well you understand spoken English. The entire Listening test will last approximately 45 minutes. There are four parts, and directions are given for each part. You must mark your answers on the separate answer sheet.

Do not write your answers in your test book.

PART 1

Directions: For each question in this part, you will hear four statements about a picture in your test book. When you hear the statements, you must select the one statement that best describes what you see in the picture. Then find the number of the question on your answer sheet and mark your answer. The statements will not be printed in your test book and will be spoken only one time.



Statement (C), "They're sitting at a table," is the best description of the picture, so you should select answer (C) and mark it on your answer sheet.

5.



6.



GO ON TO THE NEXT PAGE 

PART 2

Directions: You will hear a question or statement and three responses spoken in English. They will not be printed in your test book and will be spoken only one time. Select the best response to the question or statement and mark the letter (A), (B), or (C) on your answer sheet.

7. Mark your answer on your answer sheet.
8. Mark your answer on your answer sheet.
9. Mark your answer on your answer sheet.
10. Mark your answer on your answer sheet.
11. Mark your answer on your answer sheet.
12. Mark your answer on your answer sheet.
13. Mark your answer on your answer sheet.
14. Mark your answer on your answer sheet.
15. Mark your answer on your answer sheet.
16. Mark your answer on your answer sheet.
17. Mark your answer on your answer sheet.
18. Mark your answer on your answer sheet.
19. Mark your answer on your answer sheet.
20. Mark your answer on your answer sheet.
21. Mark your answer on your answer sheet.
22. Mark your answer on your answer sheet.
23. Mark your answer on your answer sheet.
24. Mark your answer on your answer sheet.
25. Mark your answer on your answer sheet.
26. Mark your answer on your answer sheet.
27. Mark your answer on your answer sheet.
28. Mark your answer on your answer sheet.
29. Mark your answer on your answer sheet.
30. Mark your answer on your answer sheet.
31. Mark your answer on your answer sheet.

YBM
TOEIC
LISTENING **1**
1000 **1**

ANSWERS

TEST 1

- 01 (A) 02 (C) 03 (C) 04 (B) 05 (C)
06 (B) 07 (B) 08 (B) 09 (A) 10 (C)
11 (A) 12 (B) 13 (C) 14 (A) 15 (C)
16 (C) 17 (C) 18 (B) 19 (A) 20 (B)
21 (B) 22 (C) 23 (B) 24 (C) 25 (C)
26 (B) 27 (C) 28 (A) 29 (C) 30 (B)
31 (C) 32 (C) 33 (D) 34 (B) 35 (C)
36 (C) 37 (D) 38 (B) 39 (C) 40 (A)
41 (A) 42 (B) 43 (B) 44 (B) 45 (B)
46 (C) 47 (D) 48 (B) 49 (A) 50 (A)
51 (B) 52 (C) 53 (C) 54 (A) 55 (A)
56 (A) 57 (A) 58 (B) 59 (B) 60 (A)
61 (D) 62 (D) 63 (C) 64 (C) 65 (D)
66 (B) 67 (A) 68 (C) 69 (D) 70 (B)
71 (D) 72 (D) 73 (A) 74 (D) 75 (C)
76 (C) 77 (D) 78 (C) 79 (A) 80 (B)
81 (B) 82 (A) 83 (C) 84 (C) 85 (A)
86 (D) 87 (B) 88 (D) 89 (A) 90 (A)
91 (C) 92 (C) 93 (D) 94 (D) 95 (C)
96 (B) 97 (C) 98 (B) 99 (A) 100 (A)

PART 1

01 W-Br



- (A) They are reviewing a document.
(B) They are looking at a monitor.
(C) They are writing on a board.
(D) They are facing the window.

(A) Họ đang xem lại tài liệu.

- (B) Họ đang nhìn vào màn hình máy tính.
(C) Họ đang viết lên bảng.
(D) Họ đang hướng mặt ra phía cửa sổ.

Từ vựng review xem lại
face hướng về phía, đối diện với

Giải thích Bức ảnh có hai người - Miêu tả hành động của những người trong ảnh

- (A) Đáp án. Bức ảnh cho thấy hai người đang ngồi tại bàn và xem xét lại tài liệu (are reviewing a document).
(B) Sai danh từ. Bức ảnh cho thấy hai người đang nhìn vào cùng một vật, nhưng không phải nhìn vào màn hình (are looking at a monitor).

- (C) Sai động từ. Trong ảnh không có cảnh hai người đang viết lên bảng (are writing on a board).
(D) Sai động từ. Trong ảnh có xuất hiện cửa sổ, nhưng hai người không nhìn ra phía cửa sổ (are facing the window).

02 M-Au



- (A) He is storing an electronic device.
(B) He is positioning his briefcase.
(C) He is sitting with his legs crossed.
(D) He is undoing his necktie.

- (A) Anh ấy đang cất một thiết bị điện tử.
(B) Anh ấy đang đặt cặp sách xuống.
(C) Anh ấy đang ngồi vắt chéo chân.
(D) Anh ấy đang tháo cà vạt.

Từ vựng electronic device thiết bị điện tử
position đặt cái gì vào chỗ thích hợp
briefcase cặp để giấy tờ, tài liệu
with one's legs crossed vắt chéo chân
undo mở, tháo store cất giữ

Giải thích Bức ảnh có một người - Miêu tả trạng thái của người trong ảnh

- (A) Sai động từ. Người đàn ông trong ảnh đang sử dụng thiết bị điện tử, không phải đang cất nó đi (is storing an electronic device).
(B) Sai động từ. Người đàn ông trong ảnh không động vào chiếc cặp (is positioning his briefcase).
(C) Đáp án. Bức ảnh cho thấy người đàn ông đang ngồi vắt chéo chân (with his legs crossed).
(D) Sai động từ. Người đàn ông trong ảnh đang đeo cà vạt, không phải đang tháo nó ra (is undoing his necktie).

03 M-Cn



- (A) Some passengers are boarding a bus.
(B) A man is carrying some luggage.